TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MÈO VẠC
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2020/HS-ST
Ngày: 31/3/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÈO VẠC, TỈNH HÀ GIANG
"Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:"

- *Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa*: Bà: Nguyễn Thị Thúy Yên
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
1. Ông: Nông Thế Huân
2. Bà: Sùng Thị Sinh

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa*: Ông: Củng Trần Lương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mèo Vạc.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa*: Ông: Vàng Mí Chứ -Kiểm sát viên.

Ngày 31/3/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2020/TLST-HS ngày 12/3/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST-HS ngày 18/3/2020 đối với các bị cáo:

1. Lù Thị N; (tên gọi khác: Không); Sinh năm: 1980 tại: huyện M, tỉnh H; Nơi cư trú: Thôn B, xã X, huyện M, tỉnh H; Nghề nghiệp: Làm nương; Trình độ văn hóa: 0/12; Dân tộc: Giấy; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lù A S (đã chết) và bà Nùng Thị N1, sinh năm 1954; Có chồng là: Liềng A C (đã chết) và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 18/12/2019 đến ngày 27/12/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" đến nay. Có mặt.

2. Liềng A S1; (tên gọi khác: Không); Sinh năm: 1995 tại: huyện M, tỉnh H; Nơi cư trú: Thôn B, xã X, huyện M, tỉnh H; Nghề nghiệp: Làm nương; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Giấy; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Liềng A Q, sinh năm 1958 và bà Vi Thị T, sinh năm 1963; Vợ,con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt. Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam. Ngày 11/3/2020 Ủy ban kiểm tra Huyện Ủy M quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng.

Bị cáo ra đầu thú ngày 19/12/2019 đến ngày 27/12/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" đến nay. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Lù Thị N: Bà: Nguyễn Thị H; Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh H; Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Liềng A S1: Ông Nguyễn Xuân G; Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh H; Có mặt.

Người tham gia tố tụng khác:

- Người làm chứng:

Liềng A D, sinh năm 2003; trú tại: Thôn B, xã X, huyện M, tỉnh Hà. Có mặt.

- Người giám hộ cho người làm chứng:

Ông Lù A N2, sinh năm 1985; trú tại: Thôn B, xã X, huyện M, tỉnh H. Vắng mặt.

- Người phiên dịch tiếng Giấy:

Anh Nông Văn D1, sinh năm 1987; trú tại: Tổ 01 thị trấn M, huyện M, tỉnh H. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 14/12/2019 có nhiều người là anh, em họ hàng đến hộ gia đình nhà Lù Thị N để chuẩn bị công việc cho đám cưới của con trai N là Lù A C. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, trong lúc ăn cơm thì N nảy sinh ý định tìm cách liên lạc với cháu rể của mình là người Trung Quốc, có tên gọi là "bố C1" *(N không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể mà chỉ biết người này đang sinh sống ở tỉnh Q, Trung Quốc)* để nhờ người này khi sang dự đám cưới thì mang giúp một ít pháo sang để đốt khi làm bàn thờ cúng tổ tiên và ngày cưới của con trai. Ngay sau khi nảy sinh ý định trên, N liền hỏi mọi người đang ngồi ăn cơm là: *"có ai có zalo của bố C1 không? nếu có thì gọi mời bố C1 sang ăn cưới, khi sang thì mang giúp một ít pháo để đốt"*. Lúc này, Liềng A S1 là cháu ruột của N liền trả lời là *"cháu có"* và sử dụng điện thoại của mình gọi điện cho bố C1 qua ứng dụng zalo nhưng do điện thoại của S1 hết tiền không gọi được nên S1 đã mượn chiếc điện thoại của Liềng A D để tiếp tục gọi cho bố C1 qua ứng dụng Zalo. Khi bố C1 nghe máy, S1 bảo với bố C1 *"ngày mai nhà thím N tổ chức cưới vợ cho con trai nên mời anh sang ăn cưới, tối nay anh sang được không? Nếu sang được thì thím N nhờ anh mang cho một ít pháo"*, bố C1 đồng ý và dặn S1: Khi nào bố C1 đi đến mốc biên giới Việt Nam - Trung Quốc sẽ gọi điện cho S1 để đi đón, nghe điện thoại xong S1 tắt máy. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, khi S1 đang giúp nấu cơm ở nhà N thì bố C1 gọi điện qua zalo vào điện thoại của D. Thấy bố C1 gọi, D liền đưa điện thoại của mình cho S1 để S1 nghe máy thì được bố C1 cho biết là đang ở mốc biên giới số 23 *(tức khu vực mốc biên giới 485, thuộc địa phận thôn L, xã X, huyện M)* và bảo S1 đến đón *(quá trình S1 nói chuyện với bố C1, D không nghe được nội dung và D cũng không được S1 nói lại sự việc bố C1 mang pháo sang).* S1 đồng ý và nói lại cho N biết việc mình sẽ đi đón bố C1, N dặn S1 đi đón nhanh về để còn giúp làm việc. Sau đó, S1 điều khiển chiếc xe máy *(nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE ANPHA màu đen bạc, biển kiểm soát **P1-073.13)* của gia đình S1 đi một mình từ nhà N đến mốc biên giới 485. Khi cách cột mốc khoảng 5m, S1 nhìn thấy bố C1 đang đứng

cạnh một người đàn ông Trung Quốc *(S không biết tên, tuổi, địa chỉ)*, ở gần đó có hai chiếc xe máy, trong đó có 01 chiếc xe máy chở 02 thùng bìa cát tông màu nâu. Bố C1 nói với S1 *"anh mang pháo đến đây rồi"*, S1 hỏi lại *"sao anh mang nhiều thế",* bố C1 nói *"anh mang đến đây rồi thì cứ mang về đi"*. S1 không nói thêm gì và cũng không kiểm tra xem bố C1 đem loại pháo gì sang, số lượng cụ thể là bao nhiêu. Sau đó, người đàn ông Trung Quốc đi cùng bố C1 bê 01 thùng cát tông pháo qua mốc biên giới sang đặt lên xe máy của S1, rồi người này tiếp tục cùng bố C1 bê 01 thùng cát tông pháo còn lại đặt lên xe máy của bố C1. Sau khi buộc xong, người đàn ông Trung Quốc điều khiển xe của mình quay về bên Trung Quốc, còn S1 và bố C1 mỗi người điều khiển một xe chở theo 01 thùng cát tông đựng pháo về nhà Lù Thị N. Khi về đến nhà N, S1 cùng với bố C1 dựng xe ở trước cửa nhà rồi cùng nhau lần lượt bê hai thùng bìa cát tông đựng pháo vào trong nhà rồi để ở giữa hai giường trong buồng ngủ của Lù Thị N. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, S1 nói với N là: *"cháu đón bố C1 về đây rồi, thím vào chào bố C1 đi"*. Lúc này N đi vào chào bố C1, đồng thời hỏi: *"thím có dặn lấy một ít pháo sang cho thím, cháu có lấy được không?"*, bố C1 trả lời là: *"có, cháu có lấy pháo sang"* nhưng bố C1 không nói rõ loại pháo gì, số lượng bao nhiêu, còn N cũng không hỏi.

Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, sau khi ăn cơm xong S1 một mình đi vào buồng ngủ của N rồi dùng chiếc chìa khóa xe máy của mình rạch nắp của một thùng cát tông đựng pháo mà trước đó S1 cùng bố C1 bê vào trong buồng để đem ra đốt. Khi mở được nắp thùng, S1 lấy ra 02 hộp pháo *(loại pháo có dạng khối hình hộp chữ nhật, mỗi hộp có kích thước (14,5 x 14,5 x 15)cm, bên ngoài dán giấy màu đỏ, vàng có nhiều chữ nước ngoài và hình tia sáng nhiều màu sắc, có 02 đoạn dây cháy chậm màu xanh thò ra ngoài)* rồi đem ra bãi đất trống gần nhà N đốt. Khi nghe thấy tiếng pháo nổ, N cũng ra xem và hỏi S1 là *"sao cháu lại lấy quả to thế? Có lấy về nhiều không?"*, S1 trả lời *"được một thùng rưỡi pháo, nếu hôm nay đốt không hết thì để tết cháu đốt"*. Ngay lúc này, N đi vào buồng ngủ của mình xem thì thấy ở giữa hai giường có hai thùng bìa cát tông, trong đó có một thùng đã bị bóc nắp thùng, bên trong có khoảng nửa thùng là các hộp pháo, thùng bìa cát tông còn lại vẫn còn nguyên vẹn nên N không kiểm tra, không biết bên trong là loại pháo gì, số lượng bao nhiêu. Sau đó, N tiếp tục ra ngoài làm việc nhà, còn S tiếp tục vào ngồi uống rượu cùng bạn. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, do trước đó D nhìn thấy S1 lấy pháo từ buồng ngủ của N ra ngoài để đốt nên D nảy sinh ý định mang pháo ra đốt, D một mình đi vào buồng ngủ của N thì thấy có 02 thùng bìa cát tông, trong đó một thùng vẫn còn nguyên vẹn, thùng còn lại đã bị mở, bên trong đựng nhiều hộp pháo có dạng khối hình hộp chữ nhật, D lấy 02 hộp pháo từ trong chiếc thùng đã mở nắp mang ra khoảng đất trống phía trước nhà mình đốt, còn Lù Thị N sau khi làm việc nhà xong thì đi ngủ. Đến khoảng 04 giờ sáng ngày 15/12/2019, khi N đang ngủ trong buồng thì thấy S1 một mình đi vào trong buồng của N để bóc thùng cát tông đựng pháo mang ra đốt tiếp nhưng do trời sắp sáng nên N căn ngăn nên S1 không lấy pháo ra đốt nữa, khi trời sáng N dậy kiểm tra thì thấy 01 chiếc thùng cát tông đựng pháo vẫn còn nguyên vẹn, riêng số pháo trong chiếc thùng cát tông bị mở nắp tối hôm trước đã hết nhưng do gia đình N có rất nhiều người đến giúp chuẩn bị đám cưới nên N không biết ai đã lấy pháo đốt hay mang đi đâu.

Đến 15 giờ 00 ngày 18/12/2019, Công an huyện M đã phát hiện, bắt quả tang đối với Lù Thị N về hành vi tàng trữ hàng cấm và thu giữ toàn bộ tang vật có liên quan.

Ngày 19/12/2019, do nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên Liềng A S1 đã tự nguyện đến Cơ quan CSĐT Công an huyện M, tỉnh H để đầu thú, khai nhận về hành vi phạm tội của mình.

Ngày 19/12/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện M đã tiến hành cân tịnh và xác định tổng khối lượng số tang vật (nghi là pháo) bên trong chiếc thùng cát tông thu giữ khi bắt quả tang đối với Lù Thị N là: **22,5** kg *(hai mươi hai phẩy năm kilôgam),* đồng thời lấy mẫu giám định *(01 hộp tương đương 1,4 kg)* ký hiệu là M1.

Ngày 20/12/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện M đã ra Quyết định trưng cầu giám định số: 01/QĐ-CSĐT, trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh H giám định đối với mẫu M1. Tại Bản kết luận giám định số: 06/KL-PC09, ngày 25/12/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh H, kết luận: Mẫu vật gửi giám định ký hiệu M1 là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ *(có chứa thuốc pháo và khi kích thích hoặc đốt có gây tiếng nổ)*.

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện M đã tiến hành các biện pháp xác minh nhưng không xác định được họ tên thật cũng như nơi cư trú cụ thể của bố C1, người mang pháo từ Trung Quốc sang cho Lù Thị N nên không có căn cứ để tiến hành các biện pháp điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra xác định, giữa Lù Thị N, Liềng A S1 và bố C1 không có sự bàn bạc, thống nhất với nhau về việc mua bán, cũng như số lượng và loại pháo mà S1 và bố C1 đem vào nhà N. Do N nghĩ rằng bố C1 là người Trung Quốc và bên Trung Quốc thường có pháo nên mới nảy sinh ý định nhờ S1 gọi cho bố C1 nhờ mang ít pháo sang để đốt vào việc cúng làm bàn thờ tổ tiên theo phong tục. Còn về phía S1, ngay sau khi N nảy sinh ý định thì S1 cũng chủ động liên lạc với bố C1 và đi đón bố C1, không có sự chỉ đạo hay thống nhất với N.

Quá trình điều tra xác định: Số xác pháo đã phát hiện và thu giữ khi tiến hành khám xét tại khu vực khoảng đất trống trước nhà N gồm: 146 ống hình trụ, làm bằng bìa cứng màu nâu *(mỗi ống đều có đường kính 02cm, dài 15cm, bên trong đều rỗng)* và 07 khối dạng hình hộp chữ nhật *(mỗi khối đều có kích thước (14,5x14,5x15)cm, được liên kết bằng 36 ống hình trụ, phần lõi của mỗi ống đều rỗng)*, đây đều là xác pháo nằm trong số pháo mà S1 cùng Bố C1 đem đến nhà N vào ngày 14/12/2019, nhưng do thời điểm đó, gia đình N có nhiều người thường xuyên ra vào, đến giúp chuẩn bị làm đám cưới và uống rượu ở đó nên ngoài làm rõ việc S1, D có hành vi đốt pháo thì Cơ quan CSĐT Công an huyện M không đủ căn cứ để chứng minh có ai khác tham gia đốt số pháo trên. Xác định hành vi đốt pháo của S1 và D là vi phạm hành chính nên ngày 19/02/2020, Công an huyện M đã ra các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 01015; 01016 đối với Liềng A S1, Liềng A D về hành vi sử dụng các loại pháo mà không được phép, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 10 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP, ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực ANTT-ATXH bằng hình thức phạt tiền.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng:

Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M, tỉnh H đã tiến hành thu giữ những đồ vật, tài sản gồm:

- 02 *(hai)* chiếc thùng bìa cát tông màu nâu, mỗi thùng đều có kích thước (45,5 x 31 x 47)cm, phía ngoài mỗi thùng đều có chữ nước ngoài màu nâu đỏ, trong đó có một chiếc thùng phần nắp đã bị xé nham nhở.

- 146 *(một trăm bốn mươi sáu)* ống hình trụ, làm bằng bìa cứng màu nâu, mỗi ống đều có đường kính là 02cm, dài 15cm, bên trong mỗi ống đều đã bị rỗng, tương đương **04** khối dạng hình hộp chữ nhật (01 hộp = 36 ống) x 1,4 kg/hộp = **5,6** kg *(năm phẩy sáu kilôgam)*.

- 07 *(bảy)* khối dạng hình hộp chữ nhật, mỗi khối đều có kích thước (14,5 x 14,5 x 15)cm và đều được liên kết bằng 36 ống hình trụ (phần lõi của mỗi ống đều đã bị rỗng), trong đó có 02 khối được bọc bằng giấy màu vàng, đỏ, có nhiều chữ nước ngoài và 05 khối phần bìa vỏ đã bị bong tróc), tương đương **07** khối x 1,4 kg/hộp = **9,8** kg *(chín phẩy tám kilôgam)*.

- 01 *(một)* chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE ANPHA màu đen bạc, biển kiểm soát 23P1- 037.13, xe đã qua sử dụng không tiến hành kiểm tra tình trạng hoạt động của xe.

- 01 (một) chiếc chìa khóa xe máy bằng kim loại, có phần tay cầm bọc nhựa màu đen.

- 01 (một) chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 003919 do Công an huyện Mèo Vạc cấp ngày 05/02/2018.

-16 khối dạng hình hộp chữ nhật, mỗi khối đều có kích thước *(14,5x14,5x15)cm*, bên ngoài dán giấy màu đỏ, vàng có chữ nước ngoài và hình tia sáng nhiều màu sắc, trên mỗi khối hình chữ nhật này đều có 02 đoạn dây màu xanh thò ra ngoài *(đã trích mẫu giám định gửi 01 hộp)*.

Ngày 18/02/2020 Cơ quan CSĐT Công an huyện M, tỉnh H đã trả lại chiếc điện thoại nhãn hiệu VIVO cho Liềng A D theo quyết định xử lý vật chứng số 01/QĐ-CSĐT.

Ngày 09/03/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Hà đã trả lại 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE ANPHA màu đen bạc, biển kiểm soát **P1- 073.13 cùng chìa khóa xe và chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 003919 do Công an huyện M cấp ngày 05/02/2018 cho Liềng A S1 theo quyết định xử lý vật chứng số 01/QĐ-VKSMV.

Ngày 27/12/2019 Cơ quan CSĐT Công an huyện M, tỉnh H đã ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với các bị cáo Lù Thị N, Liềng A S1 về tội "Tàng trữ hàng cấm" theo quy định tại khoản 1 Điều 191 của BLHS 2015.

Tại bản Cáo trạng số 03/CT-VKMV ngày 10/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh H truy tố các bị cáo Lù Thị N, Liềng A S1 về tội "Tàng trữ hàng cấm" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 của Bộ luật Hình sự 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức án cho các bị cáo. Các bị cáo có đơn xin miễn án phí, là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có diều kiện kinh tế, xã hội dặc biệt khó khăn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lù Thị N và Liềng A S1 phạm tội "Tàng trữ hàng cấm".

Về hình phạt:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 191; điều 17; điểm i, m, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự, đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo Lù Thị N từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 191; điều 17; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự, đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo Liềng A S1 từ 18 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 tháng đến 48 tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự tịch thu tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

Về án phí*:* Áp dụng điều 136 BLTTHS, Nghị quyết 326 của UBTV Quốc hội: Đề nghị miễn án phí cho bị cáo Lù Thị N, án phí đối với bị cáo Liềng A S1 HĐXX xem xét quyết định.

Người bào chữa cho bị cáo Lù Thị N: Đồng thuận với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh, về trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức pháp luật hạn chế, còn tin vào phong tục tập quán từ xưa, phạm tội do lạc hậu, bị cáo ăn năn hối cải, khai báo trung thực, bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo là người dân tộc thiểu số, hoàn cảnh gia đình khó khăn, là trụ cột trong gia đình, hành vi phạm tội bột phát. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, m, s khoản 1, khoản 2 điều 51 của Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 điều 191; điểm i, m, s khoản 1, khoản 2 điều 51; khoản 1 điều 54; khoản 1 điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lù Thị N 06 tháng cải tạo không giam giữ. Về án phí, đề nghị áp dụng điểm đ khoản 1 điều 12, điều 14 Nghị quyết 326 của UBTVQH miễn án phí cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Liềng A S1: Nhất trí với quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát. Đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất theo đề nghị của Viện kiểm sát là 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng. Về án phí đề nghị áp dụng điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326 của UBTVQH miễn án phí cho bị cáo S1.

HĐXX cho các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo Lù Thị N, Liềng A S1 xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện M, tỉnh H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi của các bị cáo thấy rằng, các bị cáo là công dân có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Biết việc mua bán, tàng trữ, vận chuyển và sử dụng pháo nổ là mặt hàng nhà nước nghiêm cấm, tuy nhiên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi tàng trữ và sử dụng pháo nổ. Vào khoảng 11 giờ ngày 14/12/2019 N nảy sinh ý định nhờ người gọi điện cho bố C1 (người Trung Quốc) mời sang ăn cưới và nhờ mang hộ ít pháo nổ sang đốt khi làm bàn thờ cúng tổ tiên và ngày cưới của con trai. Ngay lúc đó Liềng A S1 nhận lời gọi điện cho bố C1 qua mạng xã hội Zalo, lúc này điện thoại của S1 hết tiền nên S1 mượn điện thoại của Liềng A D để gọi điện cho bố C1. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày khi bố C1 đến mốc 485 thuộc địa phận thôn L, xã S, huyện M, tỉnh H thì gọi điện cho S1 đến đón, sau khi S1 đón được bố C1 tại mốc 485 thì mỗi người sử dụng 01 xe máy để chở 01 thùng pháo rồi về cất tại buồng ngủ của Lù Thị N. Tổng khối lượng số pháo nổ do bị cáo Lù Thị N, Liềng A S1 tàng trữ là 37,9 kg, trong đó số pháo chưa sử dụng là 22,5kg, số pháo đã sử dụng là 15,4kg.

Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo Lù Thị N, Liềng A S1 đã phạm vào tội Tàng trữ hàng cấm, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 BLHS 2015, có khung hình phạt bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh H truy tố các bị cáo Lù Thị N, Liềng A S1 về tội Tàng trữ hàng cấm theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 của Bộ luật hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội theo quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng nhưng mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến chính sách độc quyền của Nhà nước về quản lý một số loại hàng hóa có tính năng và tầm quan trọng đối với nền kinh tế quốc dân cũng như trật tự, an toàn xã hội, gây nhiều bức xúc trong nhân dân. Cần có hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo có nhân thân tốt, địa chỉ cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng TNHS không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cho các bị cáo tự cải tại địa phương cũng đủ để răn đe, giáo dục đối với bị cáo, nên áp dụng thêm khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

[4] Xét về mức độ lỗi của từng bị cáo: Đối với bị cáo Lù Thị N tuy là người khởi sướng nhưng do nhận thức, am hiểu về pháp luật còn hạn chế, còn tin vào các

phong tục tập quán lạc hậu nên đã thực hiện hành vi phạm tội Tàng trữ hàng cấm, còn bị cáo Liềng A S1 là người trực tiếp thực hiện tội phạm là đồng phạm trong vụ án. Hơn nữa bị cáo có trình độ học vấn 9/12, là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, bị cáo phải nhận thức được việc nhà nước ta cấm tàng trữ pháo nổ và khuyên can bị cáo N, nhưng bị cáo không khuyên can mà còn giúp trợ giúp đắc lực. Đây là vụ án có đồng phạm giản đơn vì không có tổ chức, cấu kết chặt chẽ, không có sự phân công nhiệm vụ cụ thể.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều xuất thân từ gia đình lao động, là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu, vùng xa, các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ phần nào mức án cho các bị cáo. Đối với các bị cáo Lù Thị N do không được ăn học, tin vào các phong tục tập quán lạc hậu nên áp dụng thêm điểm m khoản 1 Điều 51 của BLHS, cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

[6] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo làm nông nghiệp, điều kiện kinh tế khó khăn, không có thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Xét đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Lù Thị N, đề nghị cho bị cáo hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ là không phù hợp với tính chất vụ án, không có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung trong quần chúng nhân dân, số lượng pháo các bị cáo tàng trữ nhiều, nên không được chấp nhận.

[9] Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự: Cần tịch thu tiêu hủy các vật chứng không còn giá trị sử dụng bao gồm số pháo đã sử dụng và 02 thùng bìa cát tông.

Tịch thu tiêu hủy các vật chứng cấm tàng trữ, lưu hành là số pháo chưa sử dụng.

Đối với chiếc điện thoại di động (loại máy màn hình cảm ứng), vỏ mặt sau màu xanh có chữ VIVO và chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE ANPHA màu đen bạc, biển kiểm soát 23P1- 037.13 cùng với 01 chiếc chìa khóa xe máy bằng kim loại, có phần tay cầm bọc nhựa màu đen và 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 003919 do Công an huyện M cấp ngày 05/02/2018, tại giai đoạn điều tra, truy tố vụ án đã trả lại cho Liềng A D chiếc điện thoại, trả lại chiếc xe máy, chìa khóa xe và giấy tờ liên quan cho bị can Liềng A S1, nên tại phiên tòa hôm nay HĐXX không xem xét.

[10] Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1, khoản 2 Điều 12, điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Miễn án phí cho các bị cáo.

[11] Quá trình điều tra không xác định được người đàn ông có tên gọi là "Bố C1" nên không xem xét, giải quyết trong vụ án, sau khi điều tra làm rõ sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tội danh:

Tuyên bố các bị cáo:

Lù Thị N và Liềng A S1 phạm tội "Tàng trữ hàng cấm".

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 191; điểm i, m, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điều 17; Điều 65 của Bộ luật hình sự 2015:

Xử phạt bị cáo Lù Thị N 15 (Mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (Ba mươi) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 191; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điều 17; Điều 65 của Bộ luật hình sự 2015:

Xử phạt bị cáo Liềng A S1 18 (Mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (Ba sáu) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo cho UBND xã X, huyện M, tỉnh H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì căn cứ Điều 92 Luật Thi hành án hình sự để thi hành. Trong thời gian thử thách các bị cáo không được xuất cảnh.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Về vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự:

Tịch thu tiêu hủy:

- 02 *(hai)* chiếc thùng bìa cát tông màu nâu, mỗi thùng đều có kích thước (45,5 x 31 x 47)cm, phía ngoài mỗi thùng đều có chữ nước ngoài màu nâu đỏ, trong đó có một chiếc thùng phần nắp đã bị xé nham nhở.

- 146 *(một trăm bốn mươi sáu)* ống hình trụ, làm bằng bìa cứng màu nâu, mỗi ống đều có đường kính là 02cm, dài 15cm, bên trong mỗi ống đều đã bị rỗng.

- 07 *(bảy)* khối dạng hình hộp chữ nhật, mỗi khối đều có kích thước (14,5 x 14,5 x 15)cm và đều được liên kết bằng 36 ống hình trụ (phần lõi của mỗi ống đều đã bị rỗng), trong đó có 02 khối được bọc bằng giấy màu vàng, đỏ, có nhiều chữ nước ngoài và 05 khối phần bìa vỏ đã bị bong tróc.

Vì các vật chứng không còn giá trị sử dụng.

(*Tình trạng, đặc điểm chi tiết của các vật chứng, như biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/3/2020 giữa Cơ quan Công an huyện M, tỉnh H và Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh H*).

- 15 khối dạng hình hộp chữ nhật, mỗi khối đều có kích thước *(14,5x14,5x15)cm*, bên ngoài dán giấy màu đỏ, vàng có chữ nước ngoài và hình tia sáng nhiều màu sắc, trên mỗi khối hình chữ nhật này đều có 02 đoạn dây màu xanh thò ra ngoài, còn lại sau khi đã lấy mẫu giám định có khối lượng là 21 kg. Vì vật chứng là vật cấm tàng trữ, cấm lưu hành.

(Vật chứng được niêm phong trong một thùng bìa cát tông màu nâu, dán niêm phong, có chữ ký của các thành phần tham gia và có hình dấu đỏ của Cơ quan CSĐT Công an huyện M, bên ngoài có ghi chữ "Tang vật thu giữ của Lù Thị N, kí hiệu A1". Số vật chứng trên hiện đang được gửi tại cơ quan quản lí vật chứng Công an tỉnh H, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/01/2020 giữa Công an huyện Mvà Công an tỉnh H).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật giao Cơ quan thi hành án dân sự huyện M, tỉnh H có trách nhiệm tiến hành các thủ tục để tiêu hủy các vật chứng trên.

4. Án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1, khoản 1 Điều 12, điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí HSST cho các bị cáo.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt các bị cáo, báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (*31/3/2020*).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- THADS huyện;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- HS THAHS;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thúy Yên